TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **456/**2023/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội,* ngày 04 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội (quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 427/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/06/2023, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Anh Trương Quang H - sinh năm 1978.
Nơi ĐKHKTT: đường Hàm Nghi, tổ 7, phường H, thành phố T, tỉnh T.
Hiện trú tại: đường Thanh Bình, phường M, quận H, thành phố Hà Nội.
- Và chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1982.
Nơi ĐKHKTT và hiện trú tại: ngách 41, ngõ Thịnh Quang, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn, cả anh Trương Quang H và chị Nguyễn Thị H cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: anh H và chị H đều thống nhất xác nhận anh chị có 01 con chung là Trương Thị Ánh N (nữ) sinh ngày 29/09/2001. Ly hôn, anh H và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung vì cháu N đã thành niên, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện tại cháu N đang kinh doanh tự do, còn việc ở với ai do cháu N tự quyết định.

[3] Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh H và chị H thống nhất xác nhận ly hôn vợ chồng anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

[4] Về nợ: Anh H và chị H thống nhất xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có khoản vay nợ nào chung, ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh H tự nguyện nộp cả tiền lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm, chị H đồng ý.

Ngoài ra anh H và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Quang H và chị Nguyễn Thị H.

- *Về con chung*: Anh H và chị H đều xác nhận anh chị có 01 con chung là Trương Thị Ánh N (nữ) sinh ngày 29/09/2001. Ly hôn, do anh H và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung vì cháu N đã thành niên, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện tại cháu N đang kinh doanh tự do, nên Tòa không xét. Còn việc ở với ai do cháu N tự quyết định.

- *Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản):* Anh H và chị H thống nhất xác nhận ly hôn vợ chồng anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, nên Tòa không xét.

- *Về nợ:* Anh H và chị H thống nhất xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có khoản vay nợ nào chung, ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ, nên Tòa không xét.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự*:* Anh H tự nguyện nộp cả 300.000 đồng tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự (đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003525 ngày 26/06/2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận H, thành phố Hà Nội).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận H;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đào Thị Hồng Lý